

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/HS-ST

Ngày: 24 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Sinh

Bà Đỗ Thị Luyến

Ông Nguyễn Ngọc Đông

- Thư ký phiên tòa: bà Đào Hoàng Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Tòng Văn T; tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày 01/01/1970, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tòng Văn D (đã chết) và bà Tòng Thị P (đã chết); Bị cáo có vợ là Tòng Thị Y, sinh năm 1968, là bị can trong cùng vụ án. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án: không, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2025, bị tạm giam từ ngày 13/7/2025 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Tòng Thị Y; tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày 01/01/1968, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn H (đã chết) và bà Tòng Thị N (đã chết); bị cáo có chồng là Tòng Văn T, sinh năm 1970, là bị can trong cùng vụ án. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1990,

con nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án: không, tiền sự: không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2025, bị tạm giam từ ngày 13/7/2025 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Lường Thị C**; tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày 01/01/1982, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn Đ (đã chết) và bà Lò Thị V sinh năm 1960; bị cáo có chồng là Lò Văn H1, sinh năm 1976. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án: không, tiền sự: không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2025, bị tạm giam từ ngày 13/7/2025 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Người bào chữa cho bị cáo Tòng Văn T: Bà Nguyễn Thị Thu H2, trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ có mặt tại phiên tòa.

5. Người bào chữa cho bị cáo Tòng Thị Y: Bà Nguyễn Thị P1 Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ có mặt tại phiên tòa.

6. Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị C: Ông Hoàng Tiến N1 Luật sư Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 03/7/2025, Lường Thị C đang ở nhà tại bản C, xã T, tỉnh Điện Biên và xem điện thoại thấy cuộc gọi nhớ của Lò Thị B, sinh năm 1962, nhà ở bản N, xã T, tỉnh Điện Biên, C đã gọi điện thoại cho Lò Thị B. B bảo C biết ai hay đi rừng thì tìm người đi nhận và vận chuyển ma túy về cho B, C đồng ý. C gọi điện thoại cho chủ rẫy là Tòng Văn T, nhà ở cùng bản với C để hỏi xem T có đi nhận ma túy được không, nhưng T không nghe điện thoại. Đến khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, Tòng Thị Y vợ Tòng Văn T là cô ruột của C đi ăn cơm ở nhà người quen về đến nhà thì được con trai tên Tòng Văn T1 cho biết có tiếng chuông điện thoại báo có cuộc gọi. Do Y không biết chữ nên đã bảo Tòng Văn T1 xem là ai gọi, T1 xem điện thoại và bảo người gọi là C. Yêng bảo Toàn bấm gọi lại cho C, rồi Y nói chuyện với C, còn T1 đi ra ngoài. Qua nói chuyện, C bảo với Y có người thuê đi nhận ma túy và hỏi Y có đồng ý đi không, Y trả lời để bàn với Tòng Văn T rồi sẽ báo lại cho C. Khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, T đi ăn cơm ở nhà người quen về đến nhà Y nói lại cho T biết nội dung C trao đổi và Y hỏi T có đồng ý đi nhận ma túy không? T bảo sẽ đồng ý đi nếu được trả công 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) đến 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), Y gọi điện thông báo cho C biết, đồng thời Y hỏi C là khi nào đi nhận ma túy, nhận ở đâu và ai là người giao ma túy? Do C không biết nên bảo Y để gọi điện thoại hỏi

người thuê xem thế nào. C gọi điện thoại cho Lò Thị B nói đã tìm được người đi nhận ma túy và bảo họ đòi tiền công là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) thì mới đi, Lò Thị B trả lời để xem đã. Khoảng hơn 16 giờ cùng ngày, C thấy có cuộc gọi nhờ của số thuê bao điện thoại lạ nên gọi lại thì thấy một người đàn ông nghe điện thoại, do C không nói gì nên người đàn ông đã tắt cuộc gọi. Sau đó C nhận được điện thoại của Lò Thị B thông báo đồng ý trả 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) tiền công cho người đi nhận ma túy và cho biết người giao ma túy sẽ gọi điện thoại cho C để thống nhất việc giao nhận ma túy, lúc này C mới biết số điện thoại lạ gọi nêu trên chính là của người giao ma túy; đồng thời Bon cho C biết thời gian đi nhận ma túy là sáng ngày 04/7/2025, địa điểm nhận ma túy là ở khu vực đỉnh đồi thuộc xã S, tỉnh Điện Biên. Bon hỏi C đang ở đâu? C nói đang làm ruộng ở cánh đồng thuộc bản C, xã T, tỉnh Điện Biên. B nói tý nữa Vì Thị T2 là con dâu của B sẽ mang tiền đến đưa cho C, trong đó: T3 đi lấy ma túy được để sẵn trong một túi nilon màu trắng, còn số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) trả công cho người đi nhận ma túy được để một tập riêng bên ngoài, C đồng ý. C gọi điện thoại lại vào số điện thoại lạ nêu trên và thống nhất với người đàn ông giao ma túy là sáng sớm ngày 04/7/2025 sẽ cho người đi nhận ma túy, người đàn ông đồng ý.

Khoảng gần 17 giờ cùng ngày, C đang ở cánh đồng thì thấy có cuộc gọi nhờ của Vì Thị T2, C gọi lại thì được T2 bảo đi lên đường cái nhận tiền. C đồng ý và một mình đi xe máy đến và gặp T2 đang đứng cạnh xe máy ở đường đi chỗ hồ nước cuối bản Chiềng Đông. T2 mở cốp xe máy lấy ra một túi tiền được gói kín trong túi nilon màu trắng và một tập tiền rời bên ngoài đưa cho C, rồi điều khiển xe máy đi về. C dùng 01 chiếc áo mưa màu xanh gói số tiền trên lại và treo ở móc phía trước yên xe máy rồi điều khiển quay lại tiếp tục dậm lúa. Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, C điều khiển xe máy mang tiền về đến nhà cất 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) ở tủ quần áo trong nhà, cất túi nilon màu trắng chứa tiền vào cạnh khe bao thóc trong phòng kho để đồ dưới gầm nhà sàn.

Đến khoảng hơn 5 giờ ngày 04/7/2025, C gọi điện bảo T đi sang nhà Chung lấy tiền để đi lấy ma túy, T bảo nếu được trả công 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), C nhất trí. T nói lại cho Y biết và hai người thống nhất cùng đi sang nhà Chung lấy tiền để đi nhận ma túy, T điều khiển xe máy CUB, biển kiểm soát 27AA-055.35 chở Y đi đến nhà Chung. Khi đến đầu ngõ N, T đứng đợi ở đường, còn Yêng một mình đi bộ khoác theo chiếc túi tự chế từ vỏ bao xác rắn mang theo từ nhà đi vào nhà Chung. C nhìn thấy Y đi vào nhà thì C đi vào trong kho lấy túi nilon màu trắng chứa tiền mang ra đứng đợi dưới gầm nhà sàn. Khi Y đến, C cầm túi tiền bỏ vào bên trong chiếc túi tự chế Yêng khoác trên người và nói cho Y biết đây là tiền để mang đi lấy ma túy; C nói cho Y biết địa điểm nhận ma túy ở khu vực đỉnh đồi thuộc xã S, tỉnh Điện Biên, C hứa sau khi vợ chồng Y lấy được ma túy mang về nhà cho C thì C sẽ đưa tiền công 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), Y đồng ý và khoác chiếc túi tự chế chứa tiền đi bộ quay lại chỗ T đợi. Khi Y đi đến chỗ T, Y nói cho T biết đã lấy được tiền và địa điểm lấy ma túy. Sau đó, T điều khiển xe máy chở Y khoác túi tiền ngồi phía sau đi hướng về xã P (cũ), đi đến con sông N với một bên là bản Co Luông, một bên là

bản Na Hai thì để xe máy lại ven bờ phía bên bản C, Y đưa cho T chiếc túi tự chế bảo tiền để đi lấy ma túy ở bên trong, T cầm và khoác chiếc túi chứa tiền trên người. Hai người lấy bè bằng tre có sẵn ở đó cùng chèo đi sang phía bờ bản Na Hai, tiếp tục đi bộ đến khu vực nhà máy X rác và cùng nhau đi bộ lên đồi thuộc bản Na Hai hướng về phía bản N, xã S. Khi leo đồi được khoảng 01 km Yêng ở lại lấy cây Măng, còn T một mình đi bộ thêm khoảng hơn 05 km nữa gặp 01 người đàn ông (không biết, tên địa chỉ). Sau khi xác nhận T là người đến lấy ma túy, người đàn ông bảo T đưa tiền để kiểm tra, T lấy túi nilon màu trắng chứa tiền từ trong chiếc túi tự chế khoác trên người đưa cho người đàn ông, người đàn ông mở túi tiền ra xem nhưng không đếm. Kiểm tra nhận tiền xong, người đàn ông nói to bằng tiếng dân tộc Mông cho một người đàn ông khác, một lúc sau có người đàn ông đi đến, khoác sau lưng một chiếc túi màu đen và để chiếc ba lô xuống đất rồi lấy ma túy ra khỏi ba lô, người đàn ông nhận tiền của T đã đếm và đưa cho T 02 bánh ma túy Methamphetamine và 01 túi nilon màu hồng, bên trong chứa 02 bánh ma túy Heroine. Nhận được ma túy T cất vào trong chiếc túi tự chế đựng tiền ban đầu đeo trên người và đi bộ quay về theo đường cũ, trên đường về T lấy một số cây Măng cho chung vào túi ma túy. Trên đường về gặp Y, T nói cho Y biết là đã lấy được ma túy, rồi hai người cùng nhau đi về theo đường cũ, trên đường về T là người khoác chiếc túi chứa ma túy. Về đến chỗ để xe máy, T lấy một thanh gỗ vắt ngang qua xe máy (ở giữa yên phía trước và yên phía sau của xe máy), bên phải thanh gỗ treo chiếc túi chứa ma túy và M, còn bên trái thanh gỗ treo chiếc túi chứa Măng mà Y lấy được. Tính điều khiển xe máy chở Y cùng ma túy đi về nhà theo đường cũ. Hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày 04/7/2025, T chở Y vận chuyển ma túy về đến đầu bản Co Luông gặp tổ công tác Công an tỉnh Đ yêu cầu dừng xe để kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ bên phải của thanh gỗ trên xe máy CUB, biển kiểm soát 27AA-055.35 do T đang điều khiển chở Y có một chiếc túi tự chế từ vỏ bao xác rắn, bên trong có 02 bánh ma túy Methamphetamine có khối lượng: 1.053,94 gam và 02 bánh ma túy Heroine có khối lượng: 584,1 gam Heroine, tổng khối lượng hai chất ma túy là 1.638,04 gam.

Căn cứ lời khai của Tòng Văn T và Tòng Thị Y, ngay sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đ đã triệu tập Lường Thị C về trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đ để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Lường Thị C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân phù hợp với lời khai của Tòng Văn T và Tòng Thị Y và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cùng ngày 04/7/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đ đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lường Thị C về hành vi Vận chuyển trái phép chất ma túy, đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lường Thị C thu giữ số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Kết luận giám định số: 644/KL-KTHS ngày 11/7/2025 của phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Tòng Văn T, Tòng Thị Y là chất ma túy, có khối lượng: 1.053,94 gam Methamphetamine và 584,1 gam Heroine.

Kết luận giám định số: 712/KL-KTHS ngày 25/7/2025 của phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: 90 (chín mươi) tờ tiền Việt Nam đồng gửi giám định gồm: 50 (năm mươi) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) và 40 (bốn mươi) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) là tiền thật.

Bản Cáo trạng số 60/CT-VKSĐB-P1 ngày 03/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y, Lường Thị C để xét xử về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y, Lường Thị C phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”; Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y mức án 20 năm tù;

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Lường Thị C mức án 20 năm tù;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với các bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y, Lường Thị C.

* Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

+ 577,07 gam Heroine còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định;
+ 993,94 gam Methamphetamine còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định;
+ Chiếc túi tự chế từ bao xác rắn, màu trắng chữ xanh, đã cũ và qua sử dụng. Thu giữ của Tòng Văn T.

*** Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:**

+ 01 chiếc điện thoại di động, loại bàn phím màu xanh, nhãn hiệu Mastel, đã cũ và qua sử dụng. Thu giữ của Tòng Văn T.

+ 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, màu xanh, đã cũ và qua sử dụng. Thu giữ của Lường Thị C.

+ Số tiền 7.000.000 đồng tiền Ngân hàng N2 đang lưu hành. Thu giữ của Lường Thị C.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì các bị cáo Tòng Văn T,

Tòng Thị Y có giấy chứng nhận hộ nghèo nên được miễn án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lương Thị C phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo phạm tội, điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các bị cáo không có thu nhập ổn định, bản thân các bị cáo nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ áp dụng đầu khung hình phạt là 20 năm tù đối với các bị cáo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự và miễn án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Lương Thị C không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo phạm tội, điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các bị cáo không có thu nhập ổn định, bản thân bị cáo nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, ngoài ra bị cáo còn có bố chồng là ông Lò Văn K được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Thị C. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đầu khung hình phạt là 20 năm tù đối với bị cáo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự. Án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như hình phạt.

Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo trình bày, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân nhận thức pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với

các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Ngày 03/7/2025, Lường Thị C được Lò Thị B thuê tìm người đi vận chuyển ma túy với tiền công 7 triệu đồng (nếu vận chuyển ma túy thành công thì mới được nhận tiền công). C liên hệ với vợ chồng Tòng Văn T – Tòng Thị Y, sau đó nhận tiền từ Vì Thị T2 (con dâu của B) mang giao cho họ để đi nhận hàng. Sáng 04/7/2025, T và Y sang nhà Chung nhận túi tiền để giao cho người giao ma túy, rồi cùng nhau đi đến khu vực xã S để bàn giao tiền và nhận ma túy. Tính giao tiền cho người đàn ông và nhận 02 bánh Methamphetamine (1.053,94 gam) cùng 02 bánh Heroine (584,1 gam). Khi quay về, T và Y vận chuyển số ma túy trên xe máy thì bị Công an tỉnh Đ bắt quả tang. Tổng tang vật thu giữ là 1.638,04 gam ma túy. Cùng ngày, cơ quan điều tra triệu tập Lường Thị C, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi và thu giữ thêm 7 triệu đồng tiền công.

Hành vi nêu trên của Tòng Văn T, Tòng Thị Y, Lường Thị C là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách quản lý của nhà nước về các chất ma túy. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ hành vi phạm tội trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y, Lường Thị C đã thực hiện hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 250 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y, Lường Thị C đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép hai chất ma túy bao gồm 1.053,94 gam Methamphetamine và 584,1 gam Heroine. Tổng 1.638,04 gam với mục đích để được trả công, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tình tiết định khung được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và sửa đổi bổ sung năm 2025:

Khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự quy định: Tội vận chuyển trái phép chất ma túy:

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân:

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố đối với bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y, Lường Thị C là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y, Lường Thị C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản

lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác, ma túy còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Nguyên nhân, động cơ, mục đích các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ việc hám lợi từ việc vận chuyển ma túy.

Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo có sự thống nhất ý chí và cùng nhau thực hiện tội phạm, thể hiện rõ tính chất đồng phạm được quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự. Cụ thể, bị cáo Lương Thị C là người nhận yêu cầu từ Lò Thị B, thỏa thuận tiền công, nhận tiền ứng trước rồi giao cho Tòng Văn T và Tòng Thị Y đi nhận ma túy. Bị cáo Tòng Văn T trực tiếp nhận tiền, đi đến địa điểm hẹn, giao tiền cho người đưa ma túy và nhận ma túy để vận chuyển về. Bị cáo Tòng Thị Y cùng tham gia ngay từ đầu, là người nhận tiền từ C, đi cùng T trong quá trình nhận và vận chuyển ma túy, qua đó đã góp phần tích cực vào việc thực hiện tội phạm.

Như vậy, các bị cáo Lương Thị C, Tòng Văn T và Tòng Thị Y đã cùng cố ý thực hiện hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Tòng Văn T giữ vai trò người thực hành chính, bị cáo Tòng Thị Y là người thực hành cùng T, còn bị cáo Lương Thị C là người khởi xướng, tạo điều kiện cho việc phạm tội.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T và bị cáo Y đều sinh ra và lớn lên tại xã T, tỉnh Điện Biên, không được đi học ở nhà lao động sản xuất nông nghiệp cùng gia đình. Năm 1988 bị cáo T và Y kết hôn với nhau và có 03 con chung.

Bị cáo Chung sinh ra và lớn lên tại xã T, tỉnh Điện Biên, học hết lớp 1/12 phổ thông thì thôi học, ở nhà lao động sản xuất nông nghiệp cùng gia đình. Năm 2001 kết hôn với Lò Văn H1 và có 02 con chung.

Cả 03 bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo C còn có bố chồng là ông Lò Văn K được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang vào ngày 03/03/1976 do vậy bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét đề nghị của Viện kiểm sát, người bào chữa là phù hợp nên được chấp nhận.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo T, bị cáo Y đề nghị HĐXX xem xét áp dụng cho các bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của gia đình các bị cáo có xác nhận của chính quyền nhân dân thôn, bản và có bác ruột (anh trai của bố đẻ bị cáo T) tên là Tòng Văn A là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, có công lao trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tuy nhiên đối chiếu với quy định của pháp luật thì

đề nghị của người bào chữa, của bị cáo xét thấy không phù hợp và không được HĐXX chấp nhận.

[4] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], các bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y, Lương Thị C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, hình phạt vừa mang tính răn đe, giáo dục vừa thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã ăn năn, hối cải. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và hoàn cảnh của bị cáo và tính khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, của người bào chữa cho các bị cáo về hình phạt chính đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025

“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là làm ruộng thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 của Điều 250 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Do vậy đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Đ, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, vật chứng đã thu giữ của các bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với 577,07 gam Heroine còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định; 993,94 gam Methamphetamine còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với chiếc túi tự chế từ bao xác rắn, màu trắng chữ xanh, đã cũ và qua sử dụng. Thu giữ của Tòng Văn T là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động, loại bàn phím màu xanh, nhãn hiệu Mastel, đã cũ và qua sử dụng, thu giữ của Tòng Văn T; 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, màu xanh, đã cũ và qua sử dụng, thu giữ của Lường Thị C là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 7.000.000 đồng tiền Ngân hàng N2 đang lưu hành, thu giữ của Lường Thị C được niêm phong trong phong bì của Phòng K1 Công an tỉnh Đ là tài sản do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc xe máy CUB, biển kiểm soát 27AA-055.35, thu giữ của Tòng Văn T. Quá trình điều tra xác định là tài sản của Tòng Văn T1 (con trai bị cáo), sinh năm 1990, trú tại bản C, xã T, tỉnh Điện Biên, bị cáo mượn để đi vận chuyển ma túy, T1 không biết bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội, nên cơ quan Điều tra đã trả lại cho T1. HĐXX xét thấy là phù hợp và được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì các bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y có giấy chứng nhận hộ nghèo nên được miễn án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lường Thị C phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với Vì Thị T2, sinh năm 1991, trú tại bản N, xã T, tỉnh Điện Biên và Lò Thị B, sinh năm 1962, trú tại bản N, xã T, tỉnh Điện Biên là người những cùng tham gia thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Kết quả điều tra không đủ căn cứ chứng minh Vì Thị T2, Lò Thị B liên quan đến hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của Lường Thị C, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trong vụ án.

Đối với hai người đàn ông giao ma túy cho bị can Tòng Văn T và người đàn ông đã liên lạc trao đổi việc giao nhận ma túy với bị can Lường Thị C. Do các bị can Tòng Văn T, Lường Thị C không biết rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra không có đủ cơ sở để điều tra làm rõ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trong vụ án.

Bị can Lường Thị C khai người đàn ông giao ma túy sử dụng là 0364731642, kết quả điều tra xác định chủ số thuê bao điện thoại là Vì Thị V1, sinh ngày 18/5/2001, địa chỉ bản N, xã N, tỉnh Điện Biên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã nhiều lần xác minh, triệu tập nhưng Vì Thị V1 đều không có mặt tại nơi cư trú. Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y, Lường Thị C đều phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Tòng Văn T, Tòng Thị Y 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2025.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Lường Thị C 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

*** Tịch thu tiêu hủy:**

+ 577,07 gam Heroine còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định cùng hộp niêm phong;

+ 993,94 gam Methamphetamine còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định cùng hộp niêm phong;

+ Chiếc túi tự chế từ bao xác rắn, màu trắng chữ xanh, đã cũ và qua sử dụng. Thu giữ của Tòng Văn T.

*** Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:**

+ 01 chiếc điện thoại di động, loại bàn phím màu xanh, nhãn hiệu Mastel, đã cũ và qua sử dụng. Thu giữ của Tòng Văn T.

+ 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, màu xanh, đã cũ và qua sử dụng. Thu giữ của Lường Thị C.

+ Số tiền 7.000.000 đồng tiền Ngân hàng N2 đang lưu hành. Thu giữ của Lường Thị C được niêm phong trong phong bì của Phòng K1 Công an tỉnh Đ.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 04/9/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Điện Biên và Thị hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

+ Chấp nhận biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu cho chủ sở hữu Tòng Văn T1 vào ngày 20/8/2025 là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu CUBJIPPAND, màu sơn xanh, biển kiểm soát 27AA-055.35 xe đã cũ và qua sử dụng (kèm theo 01 chìa khoá).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì các bị cáo Tòng Văn T,

Tòng Thị Y có giấy chứng nhận hộ nghèo nên được miễn án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lương Thị C phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Tối cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/9/2025).

Nơi nhận:

- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm
Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên (PC 04);
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên (PV06)
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, Tòa án nhân dân Tối cao;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thanh Thủy